

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THAILAND

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 ext 247
Email: namn@vcci.com.vn

6.2016

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THÁI LAN

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Các thông tin cơ bản	3
2. Lịch sử.....	4
3. Du lịch:.....	4
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	5
1. Tổng quan:.....	5
2. Các chỉ số kinh tế:.....	6
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM :	8
1. Hai bên đã ký kết	8
2. Hợp tác thương mại	8
3. Tình hình đầu tư:	9
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:	10
5. Tập quán Kinh doanh:.....	11
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM	12
1. Quan hệ Ngoại giao:	12
2. Quan hệ Chính trị:	12
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI	13
1. Thoả thuận hợp tác đã kí kết	13
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH	13

I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Vương quốc Thái Lan (Thailand)
Thể chế chính trị:	Quân chủ lập hiến
Thủ đô :	Băng Cốc
Đứng đầu nhà nước:	Hiện chưa có quốc vương mới từ khi Quốc vương Phumiphon Adunyadet đã mất ngày 13/10/2016
Đứng đầu chính phủ:	Thủ tướng Gen. PRAYUT Chan-ocha (tháng 8 năm 2014)
Thành viên của các tổ chức quốc tế:	ADB, APEC, ARF, ASEAN, BIMSTEC, BIS, CICA, CP, EAS, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, NAM, OAS (observer), OIC (observer), OIF (observer), OPCW, OSCE (partner), PCA, PIF (partner), UN, UNAMID, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UNMIS, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO
Diện tích:	513.115 km ² (lớn thứ 49 thế giới), gồm 76 tỉnh.
Khí hậu:	khí hậu nhiệt đới
Tài nguyên:	thiếc, cao su, khí đốt, kim loại vônfram, gỗ, than, đánh bắt thủy hải sản, khoáng chất
Dân số:	68 triệu, đứng thứ 21 thế giới.
Tuổi trung bình:	36.2 tuổi
Dân tộc:	Thái (95%), Miến Điện (2%) và các dân tộc khác
Tôn giáo:	Phật giáo (93.6%), Đạo hồi(4.9%), Thiên chúa (1.2%) và các đạo khác
Ngôn ngữ :	Tiếng Thái, Tiếng Anh (Ngôn ngữ thứ 2), tiếng dân tộc và địa phương v...v

Tỷ giá: baht/USD – **34.1 (2015)**; 32.24 (2014); 30.72 (2013); 31.41 (2012); 30.492 (2011); 31.686 (2010)

2. Lịch sử

Theo sử sách Thái Lan, người Thái xuất xứ từ vùng núi An-Tai, Đông Bắc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc từ 4500 năm trước, sau đó di cư dần xuống vùng đất hiện nay là Thái Lan. Vào năm 1238, người Thái thành lập Vương quốc tại Sukhothai (hiện ở miền Bắc Thái Lan) gọi là Vương quốc Phật giáo Sukhothai, năm 1283 người Thái có chữ viết. Sau đó người Thái mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam, và năm 1350 chuyển kinh đô xuống Ayuthaya (phía Bắc Băng-cốc 70 km) gọi là Vương quốc Ayuthaya. Hơn 400 năm người Thái tiến hành chiến tranh liên miên với Miến Điện và kinh đô Ayuthaya bị huỷ diệt. Năm 1767, một tướng người Thái gốc Hoa, Taksin, đứng lên chống quân Miến Điện giành lại độc lập và rời đô về Thonburi, bên bờ sông Chao Phaya, đối diện với Bangkok. Vua Rama I (1782) lên ngôi và lấy Băng-cốc (Thành phố của các thiên thần) làm Thủ đô. Thời đại này gọi là Rattanakosin.

Trước năm 1932, Thái Lan theo chế độ Quân chủ chuyên chế. Sau cuộc cách mạng tư sản năm 1932 do một nhóm sĩ quan trẻ lãnh đạo, Thái Lan chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ Quân chủ lập hiến. Ngày 10/12/1932 Vua Prachadhipok (Rama VII) đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Thái Lan. Trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ 2, Thái Lan là một đồng minh của Nhật nhưng cùng lúc vẫn tồn tại một phong trào chống Nhật gọi là Seri Thai. Sau chiến tranh, Thái Lan trở thành đồng minh của Mỹ. Hơn 70 năm qua Thái Lan đã thay đổi 17 hiến pháp, nhưng Hiến pháp 1932 vẫn được coi là cơ sở. Hiến pháp gần đây (thứ 18) được thông qua với cuộc trưng cầu dân ý ngày 19/8/2007, cùng với tổng tuyển cử ngày 23/12/2007, chính phủ dân sự mới của Thái Lan đã được thành lập vào ngày 06/02/2008.

3. Du lịch:

Thái Lan là điểm đến hấp dẫn nhất khu vực ASEAN. Ngành du lịch Thái Lan chiếm khoảng 6.5% GDP toàn quốc. Năm 2012, đã có 22 triệu khách quốc tế tới Thái Lan, tăng 15% so với năm 2011. Năm 2013, Thái Lan chào đón 26.7 triệu lượt khách quốc tế đến

(http://thailand.prd.go.th/view_news.php?id=7089&a=2)

Năm 2014, Thái Lan đón 24.77 triệu lượt khách quốc tế trong đó có 6.6 triệu khách từ ASEAN chiếm khoảng 26.72% tổng số khách quốc tế tới Thái Lan. Thái Lan đã đưa mục tiêu năm 2015 đạt 28 triệu lượt khách và thu về 41 tỷ USD từ khách du lịch.

http://thailand.prd.go.th/1700/ewt/thailand/ewt_news.php?nid=137&filename=exchangeBrunei

Năm 2015, Thái Lan đón 29.8 triệu lượt khách quốc tế, tăng 20% so với 2014. Thái Lan thu về 1.4 nghìn tỷ Bath từ du lịch.

http://thailand.prd.go.th/ewt_news.php?nid=2698&filename=index

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan:

- Thái Lan hiện là một nước công nghiệp mới (trước vốn là nước nông nghiệp truyền thống). Bắt đầu từ năm 1960 Thái Lan thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội lần thứ nhất. Những năm 1970 Thái thực hiện chính sách "hướng xuất khẩu", ASEAN, Mỹ, Nhật, EC là thị trường xuất khẩu chính của Thái Lan. Ngành công nghiệp và dịch vụ đã dần dần đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và vai trò của nông nghiệp giảm dần. Ngành du lịch cũng đóng vai trò tích cực.

- Từ 1985 – 1996 kinh tế Thái Lan đạt tốc độ tăng trưởng cao trung bình gần 9% một năm. Nhưng đến năm 1996 tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 5,9% và sau đó là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 7/1997 làm cho kinh tế Thái Lan rơi vào tình trạng khó khăn trầm trọng, Chính phủ buộc phải thả nổi đồng Bạt: Tỷ giá đồng bạt tháng 1/1998 là 56 Bạt = 1USD (trước là 25,3); mức tăng GDP năm 98 là -10,5%; nợ nước ngoài khoảng 87 tỷ USD; các ngành sản xuất mũi nhọn như công nghiệp ô tô, dệt, điện tử suy giảm nghiêm trọng; thất nghiệp gia tăng, tính đến tháng 3/1998 đã có tới 2,8 triệu người thất nghiệp, chiếm 8,8% lực lượng lao động.

- Kể từ năm 1998, kinh tế Thái Lan bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. tăng trưởng đạt 4,2-4,4% vào năm 2000, phần lớn dựa vào xuất khẩu (tăng 20% năm 2000). Năm 2001, mức tăng trưởng bị giảm xuống còn 2,2% do ảnh hưởng của sự sụt giảm của kinh tế toàn cầu. Nhưng sau đó, kinh tế Thái Lan tăng trưởng mạnh dưới thời Thủ tướng Thaksin Shinawatra với một số dự án lớn. Từ 2002 - 2004, tăng trưởng đạt 5-7% một năm.

- Từ năm 2007, những bất ổn chính trị đã gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của Thái Lan tuy nhiên các yếu tố cơ bản của nền kinh tế vẫn vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Thái Lan năm 2007 đạt 4,8%. Do bất ổn chính trị trong nước và ảnh hưởng tiêu cực bởi khủng hoảng tài chính, tăng trưởng kinh tế của Thái Lan năm 2008 chỉ đạt 3,6%. Năm 2009, xuất khẩu giảm mạnh, thất nghiệp gia tăng, tăng trưởng kinh tế Thái Lan giảm 2,4%. Thời gian gần đây, kinh tế Thái Lan đã dần phục hồi. GDP năm 2010 lần lượt tăng 7,8%. Tuy nhiên, đà tăng trưởng kinh tế vẫn còn phải phụ thuộc vào một số yếu tố trong đó có sự ổn định chính trị trong nước. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan giảm sút rõ rệt khi chỉ tăng 0,1% năm 2011. Năm 2012, Thái Lan đã phục hồi nền kinh tế, với GDP Thái Lan đạt hơn 646 tỷ USD, tăng trưởng đạt mức 5,6%.

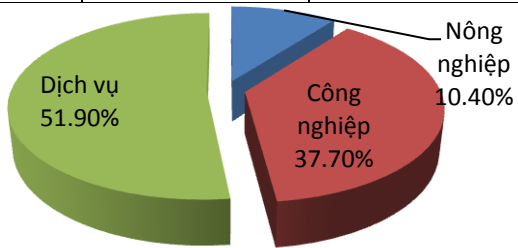
Thái Lan có nền kinh tế tốt do có thế mạnh xuất khẩu về công nghiệp và nông nghiệp – chủ yếu là điện tử, hàng nông nghiệp, ô tô và phụ tùng, thực phẩm chế biến. Thái Lan thu hút khoảng 2.5 lao động nhập cư từ các nước láng giềng. Chính phủ Thái trong năm 2013 đã ban hành chính sách quy định tiền lương tối thiểu là 10 USD/ngày, và cải cách thuế để giảm thuế cho những người thu nhập trung bình. Nền kinh tế Thái đã vượt qua những cú sốc kinh tế trong và ngoài nước trong những năm gần đây. Cuộc suy thoái toàn cầu đã cắt giảm nghiêm trọng xuất khẩu của Thái Lan. Cuối năm 2011, sự phục hồi kinh tế Thái Lan đã bị gián đoạn bởi lũ lụt lịch sử tại các khu công nghiệp ở Bangkok và 5 tỉnh xung quanh, làm tê liệt các ngành sản xuất. Chính phủ phủ đã phê duyệt các dự án để giảm thiểu lũ lụt trị giá 11,7 tỷ USD vào năm 2012 để phòng chống. Tăng trưởng của Thái Lan bị chậm lại vào 2013 và vẫn ở mức thấp kể từ khi đất nước đối mặt với bất ổn chính trị và đảo chính vào năm 2014. Chính phủ lâm thời đang

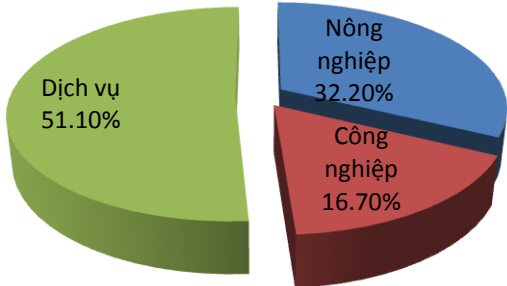
đang đưa ra gói kích cầu ngắn hạn 11 tỷ USD và đã được phê chuẩn 80 tỷ USD để hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Với cơ sở hạ tầng phát triển, nền kinh tế tự do, và các chính sách ủng hộ đầu tư giúp Thái Lan có nền kinh tế mạnh mẽ. Tuy nhiên tăng trưởng chậm trong giai đoạn từ 2013 – 2015 do khủng hoảng chính trị trong nước cũng như nhu cầu toàn cầu giảm đã kiềm chế các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh truyền thống của Thái Lan: thiết bị điện tử, hàng hóa nông nghiệp, ô tô và phụ tùng, thực phẩm chế biến. Sau cuộc đảo chính tháng 5/2014, du lịch giảm 6 – 7% nhưng đang bắt đầu hồi phục. Đồng Bath Thái mất giá 8% trong năm 2015.

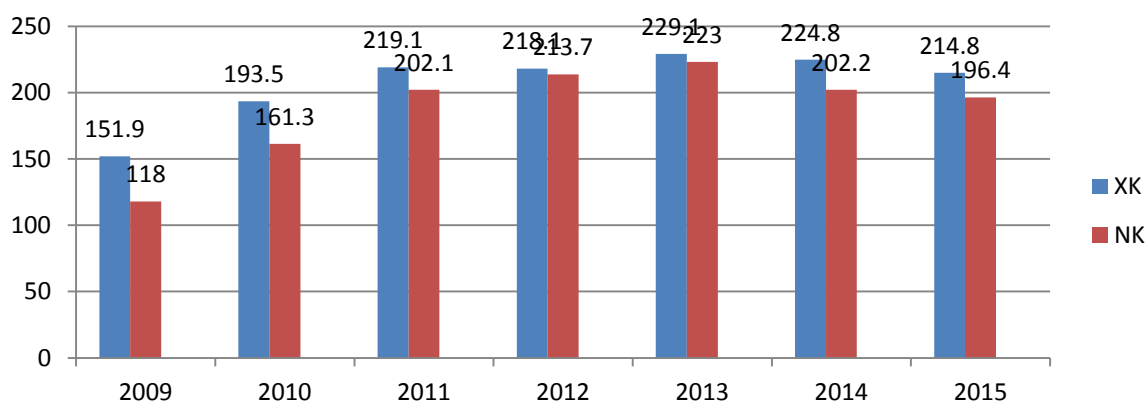
Thái Lan đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động, và đã thu hút khoảng 2 – 4 triệu lao động nhập cư từ các nước láng giềng. Chính phủ Thái đã áp dụng chính sách lương tối thiểu 300 bath (khoảng 10 USD)/ngày và triển khai cải cách thuế để giảm thuế cho những người có mức thu nhập trung bình.

2. Các chỉ số kinh tế:

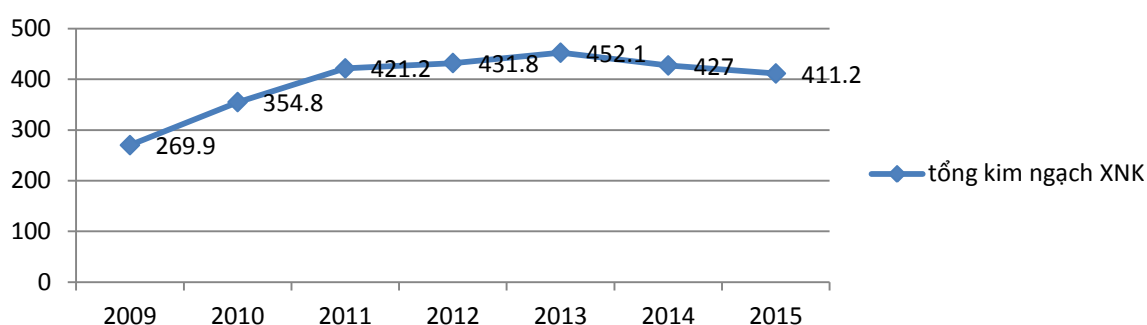
	2012	2013	2014	2015
GDP (ppp)	1,041 tỷ	1,071 tỷ USD	1,080 tỷ USD xếp hạng 23 toàn cầu	1,107 tỷ USD xếp hạng 22 toàn cầu
GDP (OER)	377 tỷ	400.9 tỷ USD	380.5 tỷ USD	373.5 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	6.5%	2.8%	0.9% xếp hạng 183 toàn cầu	2.5% xếp hạng 119 toàn cầu
GDP theo đầu người	10,000 USD	9,900	14,400 xếp hạng 106 toàn cầu	16,100 xếp hạng 100 toàn cầu
GDP theo ngành	 <p>Dịch vụ 51.90% Công nghiệp 37.70% Nông nghiệp 10.40%</p>			
Lực lượng lao động	39.77 triệu	39.64 triệu	39.51 triệu xếp hạng 17 toàn cầu	39.12 triệu xếp hạng 17 toàn cầu

Phân bố lao động theo ngành				
Tỷ lệ thất nghiệp	0.7%	0.8%	1%	1%
Tỷ lệ lạm phát	3%	2.2%	2.1%	-0.8% xếp hạng 11 toàn cầu
Mặt hàng nông nghiệp	gạo, cao su, sắn, ngô, mía, dừa, đậu, dứa, gia súc, cá.			
Các ngành công nghiệp	du lịch, dệt may, chế biến nông sản, đồ uống, thuốc lá, xi măng, sản xuất công nghiệp nhẹ, linh kiện điện tử, điện máy, nội thất, nhựa, vonfram, thiếc, ô tô và phụ tùng.			
Tổng Kim ngạch XNK	431.8 tỷ USD Tăng 2.52%	452.1 tỷ USD Tăng 4.7%	427 tỷ USD Giảm 0.33%	411.2 tỷ USD Giảm 3.7%
Kim ngạch xuất khẩu	218.1 tỷ USD Giảm 0.46%	229.1 tỷ USD tăng 0.5%	224.8 tỷ USD	214.8 tỷ USD Giảm 4.5%
Mặt hàng chính	Ô tô và phụ tùng; máy tính & phụ tùng; trang sức, đá quý; nhiên liệu đã tinh chế; sản phẩm hóa chất, gạo; cá; cao su, đường; máy móc linh kiện; sản phẩm sắt thép.			
Bạn hàng XK chính	Trung Quốc 11%, Mỹ 10.5%, Nhật Bản 9.6%, Hồng Kông 5.5%, Malaysia 5.5%; Singapore 4.6%; Indonesia 4.2%; Australia 4.1%			
Kim ngạch nhập khẩu	213.7 tỷ USD Tăng 5.74%	223 tỷ USD Tăng 4.4%	202.2 tỷ USD	196.4 tỷ USD Giảm 2.9%
Mặt hàng chính	Máy móc thiết bị; dầu thô; hóa chất, sắt thép, điện tử, vàng bạc, máy tính phụ tùng, cotton, sữa ...			
Bạn hàng NK chính	Trung Quốc 16.9%, Nhật Bản 15.6%, US 6.4%, Malaysia 5.6%; UAE 5.6%			

Biểu đồ XK và NK của Thái Lan qua các năm (tỷ USD)



Biểu đồ Tổng Kim ngạch XNK Thái Lan (Tỷ USD)



III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

1. Hai bên đã ký kết được những văn bản sau:

- Hiệp định hợp tác thương mại, kinh tế và kỹ thuật 11/01/1978;
- Hiệp định vận chuyển hàng không 11/01/1978;
- Hiệp định về thành lập Ủy ban hỗn hợp hợp tác kinh tế, kỹ thuật 18/9/1991;
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư 30/10/1991;
- Hiệp định tránh đánh thuế hai lần 23/12/1992;
- Hiệp định hợp tác du lịch 16/3/1994;

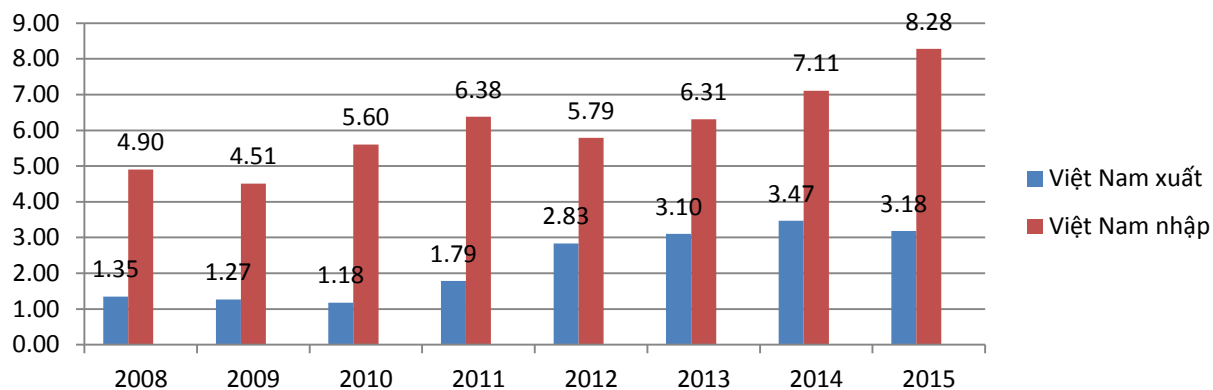
2. Hợp tác thương mại

Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam trong những năm gần đây: (Đơn vị triệu USD)

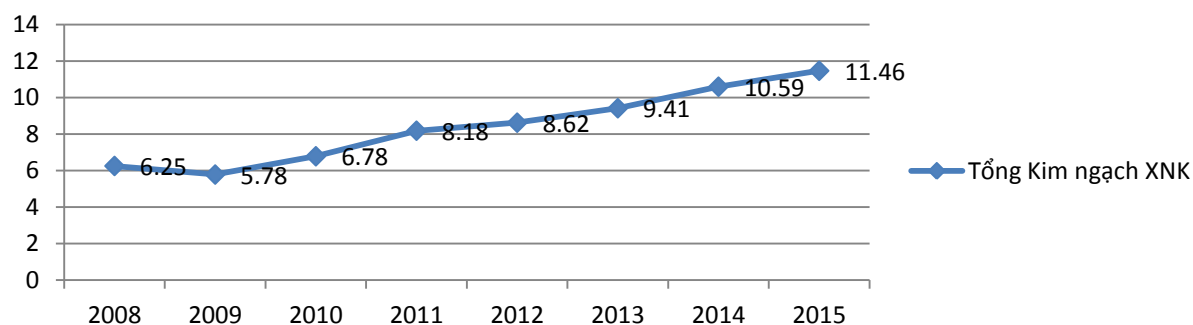
Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng KN	Mức tăng %	XK chiếm %
2008	1,348	4,905	6,254		21.60%
2009	1,266	4,514	5,780	-8.20%	21.90%
2010	1,182	5,602	6,785	17.40%	17.40%

2011	1,792	6,383	8,175	20.50%	21.90%
2012	2,832	5,792	8,624	5.49%	32.84%
2013	3,103	6,311	9,414	9.2%	32%
2014	3,475	7,118	10,594	12.5%	32.8%
2015	3,176	8,283	11,461	8.18%	27.73%
6 tháng 2016	1,773	3,897	5,670		

Biểu đồ XK và NK giữa VN và Thái Lan trong giai đoạn 2009 – 2015 (tính theo tỷ USD)



Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Thái Lan từ 2009 – 2015 (tính theo tỷ USD)



- Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính 6 tháng năm 2016

VN NK từ Thailand	6 tháng đầu năm 2016 (triệu USD)	Cả năm 2015
Hàng điện gia dụng và linh kiện	560	695
Linh kiện, phụ tùng ô tô	317	602
Chất dẻo nguyên liệu	251	541
Xăng dầu các loại	142	1,158
Hoá chất	104	286
Vải các loại	95	296
Giấy các loại	78	158
Xơ, sợi dệt các loại	52	107

VN XK sang Thailand	6 tháng đầu năm 2016 (triệu USD)	Cả năm 2015
Điện thoại, linh kiện	397	576
Máy vi tính, Sản phẩm điện tử & linh kiện	179	297
Phương tiện vận tải và phụ tùng	158	338
Hàng thủy sản	111	216
Dầu thô	56	163
Sắt thép các loại	56	189
Xăng dầu các loại	44	15
Xơ, sợi dệt các loại	31	71

3. Tình hình đầu tư:

Tính đến năm 2015, Thái Lan có 415 dự án với tổng số vốn đăng ký là 7.36 tỉ USD, đứng thứ 11 trong số hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam và đứng thứ 3 trong các nước ASEAN (sau Singapore và Malaysia).

6 tháng đầu năm 2016, Thái Lan có thêm 199 triệu USD FDI vào Việt Nam, trong đó có 19 dự án cấp mới với tổng số vốn 76 triệu USD; và 6 dự án tăng vốn với vốn đăng ký tăng thêm đạt 199 triệu USD.

- Những doanh nghiệp quan trọng đang làm ăn tại Việt Nam: Công ty trách nhiệm hữu hạn CP tại Việt Nam với tổng vốn 328 triệu USD; Công ty SAS CTAMAD với tổng vốn 72,6 triệu USD; Công ty liên doanh phát triển khu Long Bình hiện đại tại Đồng Nai với tổng vốn 46 triệu; Công ty nhựa hoá chất TCP VINA tại khu công nghiệp gò dầu Đồng Nai với tổng vốn 90 triệu USD...

4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Trên cơ sở quan hệ hai nước tiếp tục được tăng cường và phát triển thuận lợi, quan hệ kinh tế thương mại sẽ được tiếp tục mở rộng. Về thương mại, khả năng hai nước còn có thể tăng thêm được kim ngạch mỗi năm từ 5-10%. Tuy nhiên, Việt Nam cần khắc phục tình trạng bị nhập siêu từ Thái Lan. Về đầu tư, các doanh nghiệp Thái Lan tỏ ý quan tâm muốn trở lại làm ăn tại Việt Nam. Thái Lan còn nhiều khả năng để đầu tư vào Việt Nam do nguồn vốn dồi dào, địa lý thuận lợi, lao động của Việt Nam còn rẻ. Hơn nữa Thái Lan quan tâm thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại với các tỉnh miền Trung của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác tiểu vùng sông Mekong nhằm phát triển các tỉnh vùng Đông bắc Thái Lan giáp với Lào và Việt Nam. Ngoài ra hai nước sẽ tiếp tục hợp tác tốt trong các lĩnh vực xuất khẩu gạo, cao su, hải sản...

5. Tập quán Kinh doanh:

- Nếu bạn muốn thành công trong công việc kinh doanh tại Thái Lan thì việc tạo dựng mối quan hệ là một yếu tố rất quan trọng và cần thiết. Những mối quen biết trong công việc kinh doanh rất được xem trọng tại Thái Lan, cũng như việc bạn phải luôn duy trì chất lượng và hình ảnh của công ty mình. Mối quan hệ xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của khách hàng.

- Người Thái thích hợp tác làm việc với những người họ kính trọng.
- Sự tiến triển trong mối quan hệ của người Thái diễn ra chậm và với lần gặp đầu tiên sẽ không có nhiều tiến triển như bạn mong đợi, phải mất vài buổi gặp gỡ bạn mới có thể tạo dựng được mối quan hệ thực sự với họ.

- Khi giao tiếp với mọi người hãy luôn giữ thái độ kính trọng và lịch sự, điều này sẽ tạo nên những mối quan hệ hoà hợp, và đây cũng chính là yếu tố rất quan trọng khi kinh doanh tại Thái Lan.

- Cách giao tiếp của người Thái thường theo nghi thức và họ coi các cử chỉ khi giao tiếp quan trọng hơn cả lời nói.

- Những người có vị trí cao trong xã hội cũng như những người lớn tuổi nhất trong công ty luôn được kính trọng.

- Nên đặt lịch hẹn với đối tác trước một tháng.

- Khi đến gặp mặt đối tác kinh doanh bạn nên đến đúng giờ, điều này thể hiện sự tôn trọng của bạn với họ.

- Trước một cuộc họp hoặc một cuộc gặp gỡ với đối tác, bạn nên gửi trước những tài liệu, thông tin về công ty bạn đến cho đối tác, điều này giúp chỉ rõ vị trí của bạn và cũng giúp cho đối tác có đủ thời gian nghiên cứu và suy nghĩ trước về những tài liệu bạn cung cấp. Tất cả các tài liệu nên được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Thái.

- Hãy nên đứng cho đến khi được mời ngồi.

- Luôn giữ được sự bình tĩnh.

- Thông thường, để tránh mất lòng bạn, người Thái Lan thường sẽ không thừa nhận rằng họ không hiểu những điều bạn nói. Điều này thường không tốt và gây bức mình trong công việc. Nó cũng đồng nghĩa với việc người Thái Lan sẽ rất ít khi nói “ Không ”, và dẫn đến việc một đối tác nước ngoài sẽ có thể rời bàn họp và nghĩ rằng họ đã đạt được bản hợp đồng cho đến khi nhận ra rằng không hề có một bước tiến xa hơn nào trong công việc sau đó. Vì vậy, một lời khuyên khi tiến hành đàm phán tại Thái Lan là bạn nên có thêm một thông dịch viên đi cùng để chắc chắn rằng cả 2 bên đều hiểu nhau và đi đến một hợp đồng có lợi.

- Chức vụ và thâm niên trong công việc cũng là điều rất quan trọng, hầu hết những lãnh đạo cấp cao và những người làm kinh doanh sẽ đều mong muốn gặp những đối tác có chức vụ ngang tầm họ, thay vì gặp một nhân viên cấp dưới.

- Người Thái Lan rất giỏi trong việc thương lượng và đàm phán. Điều này thể hiện trong sự linh hoạt và thiện chí khi tiếp đãi đối tác kinh doanh của họ. Ngoài ra, sự nhạy bén trong kinh doanh của người Thái Lan còn được thể hiện qua khả năng thương lượng và đạt đến một hợp đồng được họ xem là có lợi cho cả 2 bên, đôi khi hợp đồng này cũng có thể thay đổi trong quá trình đàm phán và đi đến ký kết cuối cùng.

- Khun trong tiếng Thái có nghĩa là Ông, Bà, Cô (Mr, Mrs, Ms hoặc Miss), người Thái Lan thường sử dụng tên đi kèm với Khun khi xưng hô, không dùng họ của gia đình, ví dụ Khun Somporn.

- Cách thức chào trang trọng của người Thái Lan được gọi là “wai”, thông thường người có chức vị thấp hơn sẽ thực hiện nghi thức chào truyền thống này tới người có địa vị cao hơn. Theo cách thức này người chào sẽ úp hai lòng bàn tay vào nhau, đưa lên ngang tầm với mắt và từ từ đưa lên theo chiều hướng lên phía trên. Đây là một cách chào rất trang trọng được thực hiện trong những nghi lễ, người Thái Lan không yêu cầu đối tác nước ngoài phải chào lại họ theo đúng nghi thức này, nếu bạn là một đối tác bạn chỉ cần mỉm cười đáp lại hoặc gật đầu chào lại họ, nhưng nếu bạn có thể chào lại họ theo đúng cách truyền thống của người Thái, chắc chắn họ sẽ đánh giá rất cao thiện chí của bạn.

- Thông thường, khi được mời tới dự một bữa tiệc tại nhà, bạn nên đợi chủ nhà giới thiệu bạn với những người khách khác trong bữa tiệc, nó sẽ giúp cho những vị khách có mặt biết được mối quan hệ giữa bạn và gia chủ.

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ Ngoại giao:

- Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 06/8/1976

2. Quan hệ Chính trị:

- Các chuyến thăm giữa Thái Lan và Việt Nam

- Tổng Bí thư Đỗ Mười (10/1993);
- Chủ tịch nước Trần Đức Lương (10/1998);
- Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình (3/2000),
- Thủ tướng Võ Văn Kiệt (9/1991 và 7/1992),
- Thủ tướng Phan Văn Khải (5/2000),
- Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (9/1996),
- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (9/2003),
- Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (12/2006).
- Về phía Thái Lan có đoàn: Các Thủ tướng Anand thăm (1/1992), Chuan Leekpai (3/1994), Banharn (10/1995), Chavalit (3/1997);
- Chủ tịch Quốc hội Thái Lan (2/1996);
- Thủ tướng Chuan Leekpai dự Hội nghị cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội (12/1998);
- Phó Thủ tướng Bhichai Rattakul (11/1999),
- Thủ tướng Thaksin Shinawatra (24-25/4/2001).

- Ngoại trưởng Thái Surin thăm chính thức (2/1998) và sang dự kỳ họp thứ 6 UBHH hai nước (21-13/6/1999);
- Ngoại trưởng Thái Surakiart Sathirathai thăm chính thức (07/3/2001).
- Thủ tướng Surayud Chulanont đã thăm chính thức Việt Nam sau khi nhậm chức (26/10/2006), dự Hội nghị cấp cao APEC 14 (18-19/11/2006).
- Thủ tướng Samak thăm chính thức Việt Nam (24/3/2008),
- Ngoại trưởng Thái Lan Kasit Piromya thăm chính thức Việt Nam (25/02/2009).
- Thủ tướng Abhisit Vejjajiva thăm chính thức Việt Nam (10/7/2009).
- Đặc biệt có các chuyến thăm của Hoàng gia Thái như: Thái tử Maha Vajiralongkorn (11/1992, 9/1997, 12/2007, 01/2008 và tháng 5/2008) và Công chúa Sirindhorn (2/1993, 4/2000); Công chúa Chulabhond (11/1998, 5/1999, 6/2000, 11/2001, 2/2003, tháng 12/2003 và tháng 7/2008), Chủ tịch Hội đồng Cơ mật Hoàng gia (4/2002).

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

1. Thoả thuận hợp tác đã kí kết

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thoả thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Thái Lan và tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu thị trường, tìm kiếm đối tác
- 24-27 tháng 3 năm 2004, nhân chuyến thăm của Bộ trưởng Công nghiệp Thái Lan, Phòng Thương mại đã tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Thái Lan, thu hút sự chú ý và tham gia của hàng trăm doanh nghiệp Việt Nam.
- Tháng 2 năm 2009, VCCI đã tham dự Hội nghị Cấp cao ASEAN và Hội nghị Thượng đỉnh về Kinh doanh và Đầu tư ASEAN được tổ chức tại Hua Hin Thái Lan.
- Ngày 27 tháng 10 năm 2012, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thoả thuận hợp tác với Ủy ban Hỗn hợp về Thương mại, Công nghiệp và Ngân hàng Thái Lan (JSCCIB – Thailand) để thành lập Hội đồng

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

❖ Đại sứ quán Việt Nam tại Thái Lan:

83/1 Wireless Road, Lumpini, Pathumwan, Bangkok 10330

Tel: +(66)(2)2515838; +(66)(2)2512552; +(66)(2)2517202

FAX: +66 (0) 2 251 7201; +66 (0) 2 251 7203

Email: vnemb.th@mofa.gov.vn

Website: www.vietnamembassy-thailand.org

Đại sứ: Ông Nguyễn Tất Thành (ext: 214) Email: tatthanh@live.com;

tatthanh@mofa.gov.vn

Tham tán Thương mại: Ông Vũ Trần Phong (tel: +66 (0) 2 251 5838 – Ext: 218, fax 2526950)

❖ **Đại sứ quán Thái Lan tại Việt Nam:**

63-65 Hoàng Diệu

Tel: (844) 38235092-4 | Fax: (844) 38235088 | Email: thaihan1@fpt.vn

Đại sứ: H.E. Mr. Manopchai Vongphakdi

❖ **Thai Chamber of Commerce and Industry**

150 RAJBOPIT ROAD, PRANAKHON DISTRICT, BANGKOK 10200, THAILAND.

TEL: +66(0) 2622-1860-76 FAX: +66(0) 2225-3372 P.O.BOX 2-146

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

*Website *CIA – The World Factbook*

*Website *Bộ Ngoại giao Việt Nam*

*Website *Tổng cục Thống kê Việt Nam*

PHỤ LỤC THAM KHẢO
 Bảng 1. Xuất khẩu VN – Thái Lan

BỘ TÀI CHÍNH
 TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
 Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
 Tháng 6 năm 2016

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
THÁI LAN			329.005.213		1.773.500.972
Hàng thủy sản	USD		19.825.448		111.926.846
Hàng rau quả	USD		2.628.383		21.086.646
Hạt điều	Tấn	1.202	9.741.706	4.378	34.584.871
Cà phê	Tấn	6.283	10.690.330	13.100	23.584.828
Hạt tiêu	Tấn	299	2.876.955	1.959	19.280.810
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		1.420.284		9.085.423
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		4.134.124		22.648.741
Quặng và khoáng sản khác	Tấn			51	61.119
Than đá	Tấn			15.484	1.551.372
Dầu thô	Tấn			168.106	56.090.930
Xăng dầu các loại	Tấn	32.953	13.511.817	127.328	44.112.710
Hóa chất	USD		659.979		5.772.796
Sản phẩm hóa chất	USD		4.385.370		25.464.688
Phân bón các loại	Tấn	400	100.020	6.964	1.957.582
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	2.000	2.973.101	11.134	16.328.811
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		4.168.228		23.126.147
Sản phẩm từ cao su	USD		867.511		4.888.340
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	USD		808.025		7.046.703
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		1.708.686		9.645.288
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		884.756		3.982.941
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	3.325	6.707.986	16.005	31.443.674
Hàng dệt, may	USD		7.408.312		38.537.987
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	USD		1.595.180		8.510.084
Giày dép các loại	USD		3.520.002		19.031.139
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		4.481.502		19.453.406
Sản phẩm gốm, sứ	USD		2.520.572		17.156.615
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		581.380		2.314.156
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		137.869		915.931
Sắt thép các loại	Tấn	13.814	9.293.830	89.453	56.472.353
Sản phẩm từ sắt thép	USD		11.913.849		61.993.011
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		3.097.298		15.335.627
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		43.444.826		179.705.261
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		58.560.359		397.793.647
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		27.129.532		150.697.460
Dây điện và dây cáp điện	USD		2.543.579		11.737.631
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		33.116.904		158.899.139

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Thái Lan

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu số 5N/TCHQ

TỔNG CỤC HẢI QUAN

Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng 6 năm 2016

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
THÁI LAN			736.628.140		3.897.969.481
Hàng thủy sản	USD		1.884.828		9.241.999
Sữa và sản phẩm sữa	USD		7.327.110		38.721.748
Hàng rau quả	USD		25.568.759		143.502.819
Ngô	Tấn	6.688	2.509.921	10.156	12.980.335
Dầu mỡ động thực vật	USD		221.872		3.742.368
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		3.318.126		18.079.927
Chế phẩm thực phẩm khác	USD		4.469.163		19.261.820
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		8.381.313		41.377.951
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	139.935	5.073.718	870.992	29.368.833
Xăng dầu các loại	Tấn	60.740	27.152.251	402.379	142.614.813
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		4.045.482		12.243.920
Hóa chất	USD		23.046.830		104.282.462
Sản phẩm hóa chất	USD		19.194.662		100.691.544
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		129.970		6.590.728
Dược phẩm	USD		8.459.489		42.175.231
Phân bón các loại	Tấn	1.213	457.521	25.873	5.646.937
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD		4.809.737		28.454.194
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		1.380.605		11.659.063
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	35.540	46.886.273	199.852	251.641.686
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		19.821.605		94.567.428
Cao su	Tấn	3.180	4.954.765	16.853	23.923.125
Sản phẩm từ cao su	USD		7.066.132		33.256.305
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		6.939.682		43.438.899
Giấy các loại	Tấn	30.415	18.915.979	112.253	78.830.450
Sản phẩm từ giấy	USD		7.264.985		39.058.322
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	7.494	9.572.873	43.331	52.754.971
Vải các loại	USD		18.045.036		95.874.937
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		17.943.653		102.679.937
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		2.655.643		19.449.989
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		302.079		2.476.546
Sắt thép các loại	Tấn	7.952	7.493.191	31.823	27.276.410
Sản phẩm từ sắt thép	USD		15.936.665		71.972.466
Kim loại thường khác	Tấn	2.002	7.432.298	9.451	37.435.004
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		7.145.176		27.870.625
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		38.153.949		178.567.083
Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		90.760.940		560.244.854
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		500.863		4.294.561
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		70.143.192		383.767.743
Dây điện và dây cáp điện	USD		6.218.565		31.182.167
Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc	2.579	50.810.517	15.117	276.547.626
Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		66.129.256		317.519.463

<http://www.vietnamplus.vn/thai-lan-chu-trong-thi-truong-hang-cong-nghiep-tai-viet-nam/375938.vnp>

<http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/6460/7-thach-thuc-hang-dau-cua-nen-kinh-te-thai-lan-trong-nam-2016.aspx>

<http://bnews.vn/tang-truong-kinh-te-thai-lan-co-the-dat-3-1-/14543.html>